TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2020
V/v tranh chấp:"Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyến

Ông Lâm Ngọc Trao

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 744/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp " Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

HKTT: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày*:

Chị và Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vào năm 2000, do không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến nên thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Từ tháng 12/2014 chị và anh T sống ly thân nhau cho đến nay không hòa giải, đoàn tụ.

Nay chị đề nghị Tòa án xét xử không công nhận là vợ chồng với anh T.

- Con chung: chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Tr – sinh ngày 07/8/2001. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn Anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình theo chị L khai là đúng. Anh chị chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn.

Anh và chị L chung sống đến năm 2014 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến bất hòa, cãi nhau. Từ tháng 12/2014 anh và chị L sống ly thân nhau. Nay chị L yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận là vợ chồng, anh đồng ý.

Mặc dù anh có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang nhưng anh thường xuyên sinh sống tại ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Con chung: anh và chị L chỉ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Tr - sinh ngày 07/8/2001. Hiện nay cháu Tr đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên cháu muốn sống với ai cũng được, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do anh bận đi làm nên xin vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Thúy L và Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Nay chị L yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh T, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Tr - sinh ngày 07/8/2001 đã trưởng thành. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 8, 9, 14, 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Anh Nguyễn Văn T có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Thúy L yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với Anh Nguyễn Văn T do anh chị chung sống vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù anh T có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang nhưng anh thường xuyên sinh sống tại ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định "Không công nhận là vợ chồng". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Thúy L, bị đơn là Anh Nguyễn Văn T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy L chung sống với Anh Nguyễn Văn T vào năm 2000, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Nay chị L yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh T, tại hồ sơ anh T đồng ý. Xét yêu cầu của chị L là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị L và anh T khai có 01 con chung là Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 07/8/2001. Do cháu Tr đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Tài sản chung: Chị L và anh T khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thúy L về việc "Không công nhận là vợ chồng" đối với bị đơn Anh Nguyễn Văn T.

1. Xử: Không công nhận Chị Nguyễn Thị Thúy L và Anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009743 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Thúy L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai